

MA TRẬN ĐỀ CUỐI HK 1 TOÁN 10

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chương 1: Mệnh đề - Các phép toán trên tập hợp	Tập hợp. Các phép toán trên tập hợp	1												1			2,5
2	Chương 2 Bất phương trình, hbpt bậc nhất 2 ẩn	Bất phương trình bậc nhất hai ẩn	1												1			2,5
		Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn																
3	Chương 3 Hàm số - đồ thị	Hàm số và đồ thị	1												1			2,5
		Hàm số bậc hai. Đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng				1	1	1			1				1	1	2	12,5
		Dấu của tam thức bậc hai	2												2			5
		Bất phương trình bậc hai một ẩn	1			1					1				2	1		10
		Hai dạng phương trình quy về phương trình bậc hai	1										1		1	1		7,5

Tổng số câu		12			3	3	2		3	1		4	2
Tổng số điểm		3			1	0,5	0,5		1,5	0,5		2	1
Tỉ lệ %		30			20			20			30		

		<i>Cấp số nhân. Số hạng tổng quát của cấp số nhân. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân</i>	1							1				1	1	12,5	
3	Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu ghép nhóm	<i>Mẫu số liệu ghép nhóm. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm</i>	1			1	3							1	4	12,5	
4	Quan hệ song song trong không gian (14 tiết)	<i>Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Cách xác định mặt phẳng. Hình chóp và hình tứ diện</i>									1			1		5	
		<i>Hai đường thẳng song song</i>		1											1	2,5	
		<i>Đường thẳng và mặt phẳng song song</i>									1				1	5	
		<i>Hai mặt phẳng song song. Định lí Thalès trong không gian. Hình lăng trụ và hình hộp</i>	1										1	1		2	12,5
		<i>Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của một hình không gian</i>	2											2			2,5

g giác	<p><i>giác, quan hệ giữa các giá trị lượng giác. Các phép biến đổi lượng giác (công thức cộng; công thức nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng; công thức biến đổi tổng thành tích)</i></p>	<p>– Mô tả được bảng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau π.</p> <p>– Mô tả được các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Sử dụng được máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó.</p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.</p>												
	<p><i>Phương trình lượng giác cơ bản</i></p>	<p>Biết:</p> <p>– Nhận biết được công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản: $\sin x = m$; $\cos x = m$; $\tan x = m$; $\cot x = m$ bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>– Tính được nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay.</p> <p>– Giải được phương trình lượng</p>	1 TD											

			<p>giác ở dạng vận dụng trực tiếp phương trình lượng giác cơ bản (ví dụ: giải phương trình lượng giác dạng $\sin 2x = \sin 3x, \sin x = \cos 3x$).</p> <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình lượng giác (ví dụ: một số bài toán liên quan đến dao động điều hòa trong Vật lí,...). 												
2	Dãy số.														
	Cấp số cộng														
	· Cấp số nhân	<p><i>Cấp số nhân. Số hạng tổng quát của cấp số nhân.</i></p> <p><i>Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một dãy số là cấp số nhân. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính được tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: một số vấn đề trong Sinh học, trong Giáo dục dân số,...). 	1 TD							15 GQ				

3	<p>Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu ghép nhóm</p>	<p><i>Mẫu số liệu ghép nhóm.</i> <i>Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm</i></p>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được mối liên hệ giữa thông kê với những kiến thức của các môn học khác trong Chương trình lớp 11 và trong thực tiễn. Thông hiểu: – Hiểu được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. Vận dụng: – Tính được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), môđ (mode). – Rút ra được kết luận nhờ ý nghĩa của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.</p>	7 TD		13a TD	13b 13c 13d TD							
4	<p>Quan hệ song song trong không gian (14 tiết)</p>	<p><i>Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian.</i> <i>Cách xác định mặt phẳng.</i> <i>Hình chóp và hình tứ diện</i></p>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. – Nhận biết được hình chóp, hình tứ diện. Thông hiểu: – Mô tả được ba cách xác định mặt phẳng (qua ba điểm không thẳng hàng; qua một đường thẳng và một điểm không thuộc đường thẳng đó; qua hai đường thẳng cắt nhau). Vận dụng:</p>									21a TD		

		<p><i>hạn hàm số</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực. – Nhận biết được khái niệm giới hạn vô cực (một phía) của hàm số tại một điểm. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực cơ bản như: $\lim_{x \rightarrow +\infty} \frac{c}{x^k} = 0, \lim_{x \rightarrow -\infty} \frac{c}{x^k} = 0$ với c là hằng số và k là số nguyên dương. – Hiểu được một số giới hạn vô cực (một phía) của hàm số tại một điểm cơ bản như: $\lim_{x \rightarrow a^+} \frac{1}{x-a} = +\infty; \lim_{x \rightarrow a^-} \frac{1}{x-a} = -\infty.$ <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính được một số giới hạn hàm số bằng cách vận dụng các phép toán trên giới hạn hàm số. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn hàm số. 												
	<p><i>Hàm số liên tục</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận dạng được hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, hoặc trên một đoạn. 	<p>8 TD</p>	<p>9 GQ</p>							<p>17 MH</p>			<p>20 GQ</p>

			<p>– Nhận dạng được tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục.</p> <p>– Nhận biết được tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm phân thức, hàm căn thức, hàm lượng giác) trên tập xác định của chúng.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Xét được tính liên tục của hàm số tại 1 điểm, hoặc trên một khoảng, hoặc trên một đoạn.</p>											
	Tổng số câu		9	3	0	3	5	0	0	0	4	2	2	2
	Tổng số điểm		2,25	0,75	0	0,75	1,25	0	0	0	2,0	1	1	1
	Tỉ lệ %		30			20			20			30		

		<i>Khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số</i> <i>(4 tiết + 5 tiết +1 tiết)</i>								1TN <i>MH</i> <i>1.1</i>	Câu 1-TLN MH1.1	0,75
		<i>Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn</i> <i>(4 tiết + 1 tiết)</i>									Câu 2-TLN MH3.1	0,5
1	Các số đặc trưng đo mức độ phân tán của mẫu số liệu ghép nhóm	Khoảng biên thiên và khoảng tứ phân vị	1TN TD1.3									0,25
		Phương sai và độ lệch chuẩn		1TN. TD1.1								0,25
2	Véc tơ trong không gian	Vectơ trong không gian	2TN TD 2.1 TD 1.2			4ĐS <i>GQ1.2;</i> <i>GQ 1.2</i> <i>GQ1.4;</i> <i>GQ1.4;</i>		Câu 3-TLN GQ3.1				2,0

		Hệ trục tọa độ trong không gian	1TN TD1.3	1TN TD1.3		1ĐS <i>GQ1.2</i>	3ĐS <i>GQ2.1</i> <i>GQ2.1</i> <i>GQ2.1</i>	Câu 4-TLN GQ3.2				2,0
		Biểu thức tọa độ của các phép toán véctơ	1TN TD1.3	1TN TD2.1			4ĐS <i>GQ3.1</i> <i>GQ3.1</i> <i>GQ3.1</i> <i>GQ3.1</i>	Câu 5-TLN GQ3.1			Câu 6-TLN MH1.1	2,5
Số lệnh hỏi			8	3		1	2	2		<i>1</i>	4	10

			trung đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn trong thực tiễn.										
Vectơ và hệ trục tọa độ trong không gian	Vectơ trong không gian	<p>Nhận biết :</p> <p>– Nhận biết được vectơ và các phép toán vectơ trong không gian (tổng và hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ).</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Vận dụng được tọa độ của vectơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.</p>	<p>Câu 7 TD 1.2</p> <p>Câu 8 TD 2.1</p>			<p>4ĐS</p> <p>GQ1 .2;</p> <p>GQ 1.2</p> <p>GQ1 .4;</p> <p>GQ1 .4;</p>		<p>Câu 3-TLN</p> <p>GQ3.1</p>					2,0
	Hệ trục tọa độ trong không gian	<p>Nhận biết :</p> <p>– Nhận biết được tọa độ của một vectơ đối với hệ trục tọa độ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>– Xác định được độ dài của một vectơ khi biết tọa độ hai đầu mút của nó và biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ.</p> <p>Vận dụng</p>	<p>Câu 9 TD 1.3</p> <p>Câu 10 TD 1.3</p>			<p>1ĐS</p> <p>GQ1 .2</p>	<p>3ĐS</p> <p>GQ2.1</p> <p>GQ2.1</p> <p>GQ2.1</p>	<p>Câu 4-TLN</p> <p>GQ3.2</p>				2,0	

			– Vận dụng được tọa độ của vectơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.										
		<p><i>Biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ</i></p>	<p>Nhận biết :</p> <p>– Các phép toán vectơ trong không gian (tổng và hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ).</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>– Xác định được độ dài của một vectơ khi biết tọa độ hai đầu mút của nó và biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ.</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Vận dụng được tọa độ của vectơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.</p>	<p>Câu 11 TD 1.3</p>	<p>Câu 12 TD 2.1</p>			<p>4ĐS</p> <p>GQ3. 1</p> <p>GQ3. 1</p> <p>GQ3. 1</p> <p>GQ3. 1</p>	<p>Câu 5-TLN</p> <p>GQ3. 1</p>			<p>Câu 6-TLN</p> <p>MH1. 1</p>	<p>2,5</p>